

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2065/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/2/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; số 34/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định

ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 348/TTr-SGTVT ngày 09/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 18 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa, đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội. Trong đó, 04 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa, 02 thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải; 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện; 11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 16 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thủ tục số 11 đến số 17 mục I, phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- Thủ tục số 05, 12, 14 mục II phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4778/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- Thủ tục số 01 đến 04 mục I, số 2,3 mục II phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI (06 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA					
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thời hạn ban hành quyết định công bố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.
2	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		theo quy định. + Thời hạn ban hành quyết định công bố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	phố Hà Nội	hợp khác	ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.
3	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn	- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM đã nộp phí, lệ phí theo quy định (Đối với trường hợp được cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn). - Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định (Đối với trường hợp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 34/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 12/09/2022 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải Hà Nội
4	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ	Bộ phận một cửa -Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.			sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
B. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích.	- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		nêu rõ lý do; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.			thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Quyết định 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động	Bộ phận một cửa - Sở Giao	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận	- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc - Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ	thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích.	quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.			08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Quyết định 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

II. DANH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (01TTHC)

CÔNG BÁO HÀ NỘI/Số 114+115/Ngày 24-4-2024

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA					
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	* Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội: Gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực	Nộp trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định. * Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện: Gia hạn bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		

II. DANH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (11TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA					
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	- Thời hạn Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng:	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển).			
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải
3	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.
4	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải
5	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 29/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải.
6	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên	- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố, cho	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện; qua đường bưu	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	phép hoạt động; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.		chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
7	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu	- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát				- Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
8	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
9	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện:	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		huyện; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
11	Xóa đăng ký hương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	- Thời hạn cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện; qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
A. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			
1	Số 17 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
2	Số 12 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
3	Số 05 mục II phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4778/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
4	Số 13 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
5	Số 14 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
6	Số 15 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
7	Số 16 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
8	Số 11 mục I phụ lục kèm theo Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
9	Số 12 Mục II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4778/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.
10	Số 14 Mục II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4778/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
11	Số 2 Mục II, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
12	Số 3 Mục II, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
13	Số 1 Mục I, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
			48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
14	Số 3 Mục I, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
15	Số 2 Mục I, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
16	Số 4 Mục I, phụ lục kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Xóa đăng ký hương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.